TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-ST
Ngày 22-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Trang;

2. Ông Nguyễn Phú Hải.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị T, sinh năm 1966; cư trú tại: tổ 13, ấp P, xã B, huyện B, tỉnh N; vắng mặt.

Bị đơn: anh Phạm Duy T, sinh năm 1972 và chị Lê Thị H, sinh năm 1977; cùng cư trú tại: tổ 01, ấp P, xã B, huyện B, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Do quen biết, nên ngày 04-01-2022 bà có cho vợ chồng anh T, chị H vay 100.000.000 đồng để mua bán thịt cầy, hình thức cho vay tiền góp hàng ngày, thời hạn góp 50 ngày kể từ ngày 05-01-2022, 05 ngày góp tiền 01 lần và mỗi lần

10.000.000 đồng, tương đương 2.000.000 đồng/01 ngày. Hai bên có thỏa thuận miệng khi nào góp hết số tiền vay gốc thì chị H, anh T phải trả cho tôi thêm 01 ngày tiền góp với số tiền là 2.000.000 đồng, không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu và không thế chấp tài sản.

Nguồn tiền bà cho vay là của bà và việc vay tiền có lập giấy nợ do chị H, anh T viết nội dung, trực tiếp ký nhận, bà trực tiếp giao tiền cho vợ chồng anh T, chị H tại nhà của bà. Sau khi anh T, chị H nhận tiền vay ngày 04-01-2022 thì khuya cùng ngày anh T, chị H bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay bà không liên lạc được và cũng không biết hiện anh T, chị H đang sinh sống cư trú ở đâu. Anh T, chị H chưa trả cho bà khoản tiền nào.

Do đó, nay bà khởi kiện yêu cầu anh T và chị H có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền vay gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 24-02-2022 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

** Bị đơn anh Phạm Duy T và chị Lê Thị H:* trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn (niêm yết các văn bản tố tụng) nhưng anh T, chị H vắng mặt nên không thể tiến hành làm việc lấy lời khai, hòa giải theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị T: vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Phạm Duy T, chị Lê Thị H: vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng (bà Lê Thị T) trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Phạm Duy T, chị Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với anh Phạm Duy T, chị Lê Thị H. Buộc anh Phạm Duy T và chị Lê Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ gốc 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 24-02-2022 cho đến nay.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: anh T và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: bà Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Duy T và chị Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, anh T và chị H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về tiền nợ gốc: xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T yêu cầu anh Phạm Duy T và chị Lê Thị H hoàn trả số tiền nợ vay gốc 100.000.000 đồng, thấy rằng: bà T cung cấp bản chính giấy vay tiền ngày 04-01-2022 dương lịch, nội dung *"Hôm nay, ngày 04 tháng 01 năm 2022 tại ấp Thạnh Phú, xã Thạnh Bình, chúng tôi tự nguyện thỏa thuận lập hợp đồng như sau: Họ và tên người vay tiền: PHẠM DUY T, sinh năm 1972, CMND số …. cấp ngày 12.8.2021; họ và tên vợ (chồng) LÊ THỊ H, sinh năm 1974, CMND số … cấp ngày 12.8.2021; số điện thoại …; địa chỉ: Tổ 1, ấp P, xã B, huyện B, tỉnh N có vay tiền của bà LÊ THỊ T, địa chỉ…, số tiền là 100.000.000 đ, bằng chữ một trăm triệu đồng, mục đích vay kinh doanh, thời hạn vay góp 50 ngày kể từ ngày 05.01.2021…",* chữ ký và chữ viết họ tên người vay tiền anh T, chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng vắng mặt không có ý kiến phản đối về các chứng cứ do bà T cung cấp. Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện anh T, chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ tổ 01, ấp P, xã B, huyện B, tỉnh N, chuyên mua bán thịt chó, tuy nhiên từ khoảng tháng 01-2022 đến nay anh T, chị H đã chuyển nhượng nhà, đất cho người khác và bỏ đi khỏi địa phương, khi đi không đăng ký tạm vắng nên không xác định được nơi cư trú hiện nay.

Xét thấy, việc anh T và chị H thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ, mà không thông báo cho bà T biết về nơi cư trú mới thể hiện việc anh T và chị H cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ...thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Do đó, căn cứ giấy vay tiền ngày 04-01-2022 do bà T cung cấp, Hội đồng xét xử có cơ sở công nhận hợp đồng dân sự về vay tài sản giữa bà T với anh T, chị H là có thật và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T: buộc anh T và chị H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền vay gốc 100.000.000 đồng theo quy định tại các Điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự.

2.2. Về tiền lãi: căn cứ "Giấy vay tiền" do bà T cung cấp thể hiện khi vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng có thỏa thuận thời gian trả tiền là trả góp 05 ngày/lần với số tiền mỗi lần 10.000.000 đồng kể từ ngày 04-01-2022, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24-02-2022. Do đó, Hội đồng xét xử xác định

hợp đồng vay tài sản giữa bà T và anh T, chị H là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Xét thấy, anh T và chị H vi phạm thời hạn trả tiền nợ gốc nên bà T yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật từ ngày 24-02-2022 cho đến nay (ngày 22-9-2022) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Ngày 24/02/2022 đến ngày 22/9/2022 là: 06 tháng 29 ngày x 0,83%/tháng x 100.000.000 đồng = 5.782.333 đồng (làm tròn 5.782.000 đồng).

2.3. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T, buộc bị đơn anh Phạm Duy T và chị Lê Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T Thu số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi là 5.782.000 đồng, tổng cộng số tiền 105.782.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được chấp nhận, căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị đơn anh T và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 105.782.000 đồng x 5% = 5.289.100 đồng (làm tròn 5.289.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với anh Phạm Duy T và chị Lê Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản".

Buộc anh Phạm Duy T và chị Lê Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ tổng cộng 105.782.000 (một trăm lẻ năm triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn) đồng, trong đó: tiền nợ gốc 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tiền lãi 5.782.000 (năm triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (0,83%/tháng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Duy T và chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.289.000 (năm triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn) đồng.

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 (hai triệu năm

trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003824 ngày 26-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Uỷ ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi cư trú.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (N).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy